

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



**BÀI VIẾT: “TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH
THỰC THI HIỆP ĐỊNH VIFTA TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI
CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG I-XRA-EN THÁNG 7/2026”**

**Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin
phục vụ triển khai Hiệp định VIFTA” năm 2026**

Hà Nội, tháng 7/2026

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VỚI I-XRA-EN.....	4
1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu	4
2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu	6
3. Đánh giá cán cân thương mại	8
II. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HÓA I-XRA-EN VỚI THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM.	10
1. Tổng quan tình hình nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en với thế giới.	10
2. Đánh giá dung lượng, thị phần hàng của Việt Nam tại thị trường I-xra-en và các đối thủ cạnh tranh của hàng Việt Nam.	11
III. CẬP NHẬT CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH, YÊU CẦU KỸ THUẬT, RÀO CẢN THƯƠNG MẠI VÀ TIẾN TRÌNH THỰC THI CAM KẾT FTA VIFTA	17
IV. ĐÁNH GIÁ XU HƯỚNG TRIỂN VỌNG TRONG THỜI GIAN TỚI 20	
1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất nhập khẩu hàng hóa với I-xra-en	20
2. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với I-xra-en.....	22

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026.....	6
Bảng 2: Mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ thị trường I-xra-en tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026.....	8
Bảng 3: Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và thị trường I-xra-en.....	9
Bảng 4: Nhập khẩu của I-xra-en từ các thị trường 2 tháng đầu năm 2026	12
Bảng 5: Nhập khẩu các nhóm hàng hóa của I-xra-en 2 tháng đầu năm 2026..	133

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en năm 2025-2026.....	4
Biểu 2: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường I-xra-en năm 2025-2026.....	7
Biểu 3: Diễn biến xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại của Việt Nam và thị trường I-xra-en trong năm 2025 - 2026.....	9

Tóm tắt

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - I-xra-en (Hiệp định VIFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 17/11/2024 được kỳ vọng là động lực mở ra giai đoạn mới trong hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư song phương giữa hai quốc gia. Nhất là đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường tiềm năng này, cũng như thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ - vốn là một trong những thế mạnh của I-xra-en.

I-xra-en hiện nay là đối tác thương mại lớn thứ ba và thị trường xuất khẩu lớn thứ tư, thị trường nhập khẩu lớn thứ hai tại khu Trung Đông. Ngược lại, Việt Nam cũng là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của I-xra-en ở khu vực Đông Nam Á; thông qua Việt Nam, I-xra-en có cơ hội tiếp cận thị trường ASEAN rộng lớn.

Những con số thống kê mới nhất cho thấy hiệu quả bước đầu của hiệp định. Sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và I-xra-en đạt 1,94 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en đạt 566,95 triệu USD, tăng 38,6%. Nếu duy trì tốc độ tăng trưởng hiện nay, thương mại song phương cả năm 2026 có thể tiến gần 4 tỷ USD, đồng thời xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en lần đầu tiên vượt mốc 1 tỷ USD. Những kết quả này cho thấy Hiệp định VIFTA đang từng bước chuyển hóa các cam kết thành tăng trưởng thương mại thực chất.

Cán cân thương mại giữa Việt Nam và I-xra-en trong nhiều năm qua luôn ở trạng thái nhập siêu về phía Việt Nam. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng trưởng rất nhanh, khoảng cách thâm hụt vẫn duy trì do trị giá nhập khẩu nguyên vật liệu, công nghệ từ thị trường này lớn.

Hiện các doanh nghiệp I-xra-en ngày càng quan tâm tới thị trường và đối tác Việt Nam, coi Việt Nam là một trong những nguồn cung cấp hàng hóa ổn định quan trọng tại châu Á (nhất là đối với nhóm hàng nông sản, thủy hải sản, lương thực thực phẩm chế biến, hàng gia dụng, sản phẩm và thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng...) để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở trong nước. Việt Nam đang tận dụng thế mạnh nông sản, thủy sản chế biến sâu (như cá ngừ, hạt điều, hạt tiêu) hàng dệt may, giày dép là những mặt hàng có tỷ lệ nội địa hóa cao để xuất khẩu vào thị trường I-xra-en.

Trong bối cảnh hiện nay, cùng với hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước, sự chủ động của doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, đầu tư vào sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh là “chìa khóa” giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các ưu đãi của Hiệp định VIFTA, từ đó tăng cường hợp tác thương mại, đầu tư với các đối tác I-xra-en, rộng hơn là cơ hội phát triển thị trường sang các nước khác tại khu vực này.

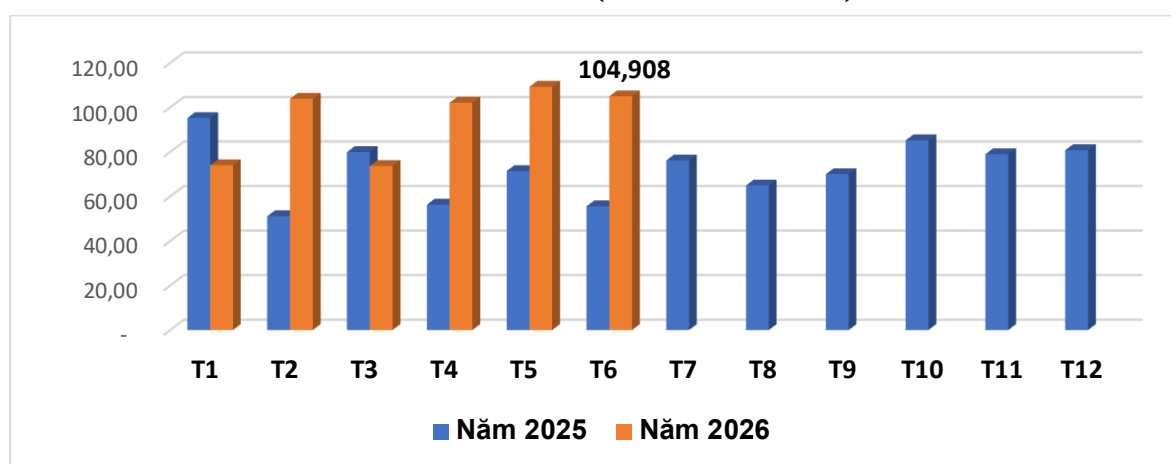
I. TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VỚI I-XRA-EN

1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu

Theo thống kê của Cục Hải quan, Tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đạt 104,9 triệu USD, giảm 3,9% so với tháng 5/2026, nhưng tăng 89,1% so với Tháng 6/2025.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đạt 566,95 triệu USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2025. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang I-xra-en chiếm 0,21% trên tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 0,18% của cùng kỳ năm 2025.

Biểu 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en năm 2025-2026 (Đvt: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Việt Nam xuất khẩu sang I-xra-en chiếm phần lớn là mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện. Tháng 6/2026, xuất khẩu mặt hàng này sang I-xra-en tăng 2% so với tháng trước, đạt 26,23 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu nhiều tiếp theo như giày dép các loại, hàng thủy sản, hạt điều, cà phê, hàng dệt, may... mức tăng dao động từ 0,7 – 19%.

So với tháng 6/2025, nhiều mặt hàng xuất khẩu sang I-xra-en trong tháng 6/2026 có mức tăng trưởng tích cực, đặc biệt là điện thoại các loại và linh kiện và mặt hàng hạt điều có mức tăng ba chữ số, tăng lần lượt 204,5% và 131,4%. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng lại giảm như cà phê.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện sang I-xra-en có mức tăng nhanh nhất, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2025. Đây cũng là mặt hàng duy nhất trong các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao sang I-xra-en tăng tỷ trọng trong 6 tháng đầu năm 2026.

Về cơ cấu mặt hàng: các mặt hàng xuất khẩu sang I-xra-en chủ yếu gồm có điện thoại di động và linh kiện chiếm 31% tổng trị giá xuất khẩu sang I-xra-en, giày dép các loại chiếm tỷ trọng 7%, hạt điều và cà phê, hàng dệt may chiếm dưới 6%... Dù còn chiếm ở mức thấp nhưng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng này của Việt Nam sang I-xra-en đang tăng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Cụ thể, nhóm điện thoại các loại và linh kiện sang I-xra-en chiếm 0,56% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 0,47% của cùng kỳ năm 2025; mặt hàng hạt điều chiếm 1,58% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 1,2% của cùng kỳ năm 2025; cà phê duy trì mức 0,56% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, hàng thủy sản cũng tăng, chiếm 0,67% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 0,6% của cùng kỳ năm 2025. Trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, thủy sản tiếp tục là một trong những nhóm hàng nổi bật, với kim ngạch thủy sản trong 6 tháng đầu năm là 38,6 triệu USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm ngoái. I-xra-en hiện là thị trường nhập khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Trung Đông.

Ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng tiêu dùng sang I-xra-en đang giảm tỷ trọng như giày dép các loại chiếm 0,34% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, giảm so với mức 0,36% của cùng kỳ năm 2025; mặt hàng dệt may duy trì mức thấp 0,13%...

Hiện các doanh nghiệp I-xra-en ngày càng quan tâm tới thị trường và đối tác Việt Nam, coi Việt Nam là một trong những nguồn cung cấp hàng hóa ổn định quan trọng tại châu Á (nhất là đối với nhóm hàng nông sản, thủy hải sản,

lượng thực phẩm chế biến, nước giải khát, hàng gia dụng, sản phẩm và thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng...) để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở trong nước. Do đó, việc tận dụng thế mạnh nông sản, thủy sản chế biến sâu (như cá ngừ, hạt điều, hạt tiêu) hàng dệt may, giày dép là những mặt hàng có tỷ lệ nội địa hóa cao vào thị trường I-xra-en, đồng thời phát triển công nghiệp phụ trợ trong nước để thay thế các mặt hàng công nghệ, máy móc và nguyên phụ liệu thường nhập khẩu từ I-xra-en nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này sẽ góp phần hạn chế nhập siêu.

Bảng 1: Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng chủ yếu	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với (%)		6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Tháng 5/2026	Tháng 6/2025			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	104.908	-3,9	89,1	566.953	38,6	100,00	100,00
Điện thoại các loại và linh kiện	26.235	2,0	204,5	178.653	41,0	31,51	30,96
Giày dép các loại	10.711	13,6	79,7	40.101	-6,5	7,07	10,49
Hàng thủy sản	8.355	6,4	12,7	38.648	26,4	6,82	7,47
Hạt điều	9.165	5,4	131,4	37.835	34,3	6,67	6,88
Cà phê	3.715	0,7	-5,5	26.920	-13,6	4,75	7,61
Hàng dệt, may	6.285	19,1	6,9	23.924	0,8	4,22	5,80
Hàng hóa khác	40.443	-16,7	105,1	220.872	75,4	38,96	30,78

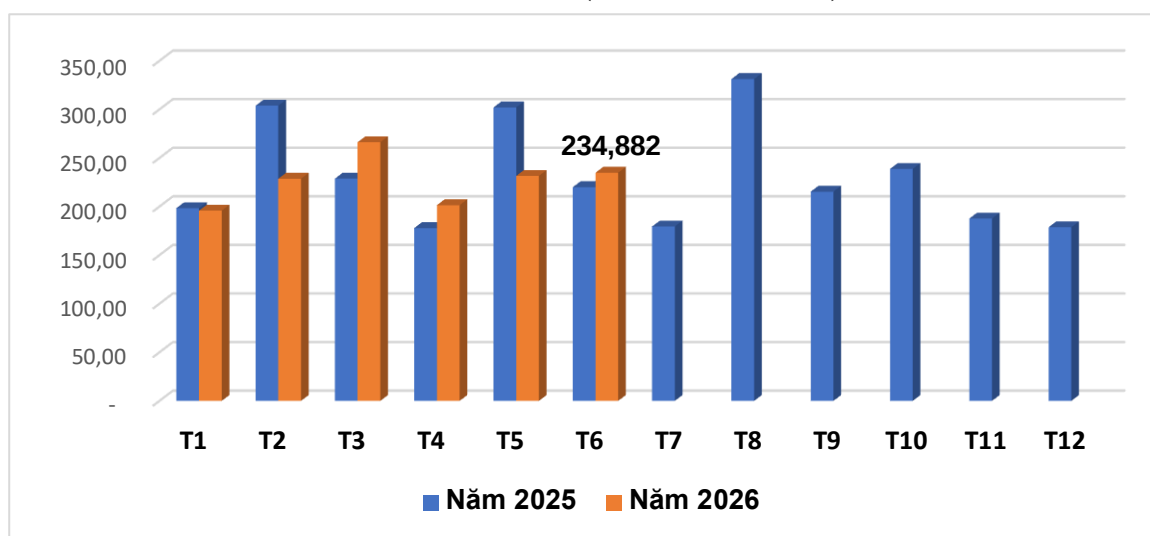
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu

Trong tháng 6/2026, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường I-xra-en đạt 234,88 triệu USD, tăng 1,4% so với tháng 5/2026 và tăng 6,8% so với tháng 6/2025.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường I-xra-en đạt 1,38 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ I-xra-en chiếm 0,48% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2026, giảm so với mức 0,67% của cùng kỳ năm 2025.

Biểu 2: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường I-xra-en năm 2025-2026 (Đvt: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Tháng 6/2026, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu cao nhất từ I-xra-en, đạt 218,79 triệu USD, tăng 1,5% so với tháng 5/2026. Trong khi nhập khẩu nhiều mặt hàng khác giảm so với tháng trước như: máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, phân bón các loại và hàng rau quả.

So với tháng 6/2025, nhập khẩu hàng rau quả từ I-xra-en có mức tăng trưởng mạnh nhất, tăng 587,9%, tiếp đến là máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 6,2%...

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện từ I-xra-en đạt 1,29 tỷ USD, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2025. Ngược lại nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 29,6%, hàng rau quả tăng 38,9%...

Nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện từ thị trường I-xra-en chiếm 93,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2026, giảm so với mức 94,5% của cùng kỳ năm 2025. I-xra-en có nền kinh tế phát triển dựa trên tri thức, mạnh về thiết bị điện tử, công nghệ vật liệu và nông nghiệp thông minh. Trong khi đó, nhu cầu mua sắm các thiết bị, công nghệ tiên tiến và nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất của Việt Nam là một trong những yếu tố chính dẫn đến nhập siêu từ thị trường này. Ngoài máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, Việt Nam cũng nhập khẩu tăng từ I-xra-en mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác.

**Bảng 2: Mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ thị trường I-xra-en tháng 6
và 6 tháng đầu năm 2026**

Mặt hàng chủ yếu	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với (%)		6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Tháng 5/2026	Tháng 6/2025			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	234.882	1,4	6,8	1.377.490	-3,7	100,00	100,00
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	218.790	1,5	6,2	1.290.181	-4,6	93,66	94,53
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	8.513	-11,5	-10,5	45.441	29,6	3,30	2,45
Phân bón các loại	518	-40,5	-32,6	4.152	-79,9	0,30	1,45
Hàng rau quả	314	-18,5	587,9	1.767	38,9	0,13	0,09
Hàng hóa khác	6.747	32,3	87,7	35.949	69,9	2,61	1,48

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

3. Đánh giá cán cân thương mại

Tháng 6/2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - thị trường I-xra-en đạt 339,79 triệu USD, giảm 0,3% so với tháng 5/2026, nhưng tăng 23,3% so với tháng 6/2025. Tháng 6/2026, Việt Nam thâm hụt thương mại với thị trường I-xra-en ở mức 129,97 triệu USD, tăng 6,2% so với tháng 5/2026, nhưng giảm 21% so với cùng kỳ năm 2025.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - thị trường I-xra-en đạt 1,94 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2025. 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam thâm hụt thương mại với thị trường I-xra-en ở mức 810,53 triệu USD, giảm 20,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong cán cân thương mại, Việt Nam đang nhập siêu từ I-xra-en do nhập khẩu nhóm hàng máy tính, linh kiện và bo mạch điện tử với trị giá lớn; đây là nhóm hàng do các công ty có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam nhập khẩu trong chuỗi hệ thống đa quốc gia của họ để phục vụ sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn thiện tại Việt Nam và xuất khẩu trở lại ra thị trường các nước trên thế giới. Cụ thể mặt hàng máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện nhập khẩu từ I-xra-en trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt tới 1,29 tỷ USD, chiếm 1,17% tổng kim ngạch nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026. Trong tổng nhập khẩu hàng hóa từ I-xra-en, nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 93,6% tỷ trọng trong 6 tháng đầu năm 2026, giảm so với mức 94,5% của cùng kỳ năm 2025.

Những năm gần đây, Việt Nam xuất khẩu sang I-xra-en tăng trưởng khá nhanh, đạt trên 750 triệu USD/năm. Cụ thể, năm 2024 xuất khẩu đạt 794,5 triệu USD, tăng 25,8% so với năm 2023 và năm 2025 đã đạt 865 triệu USD, tăng 8,8% so với năm 2024.

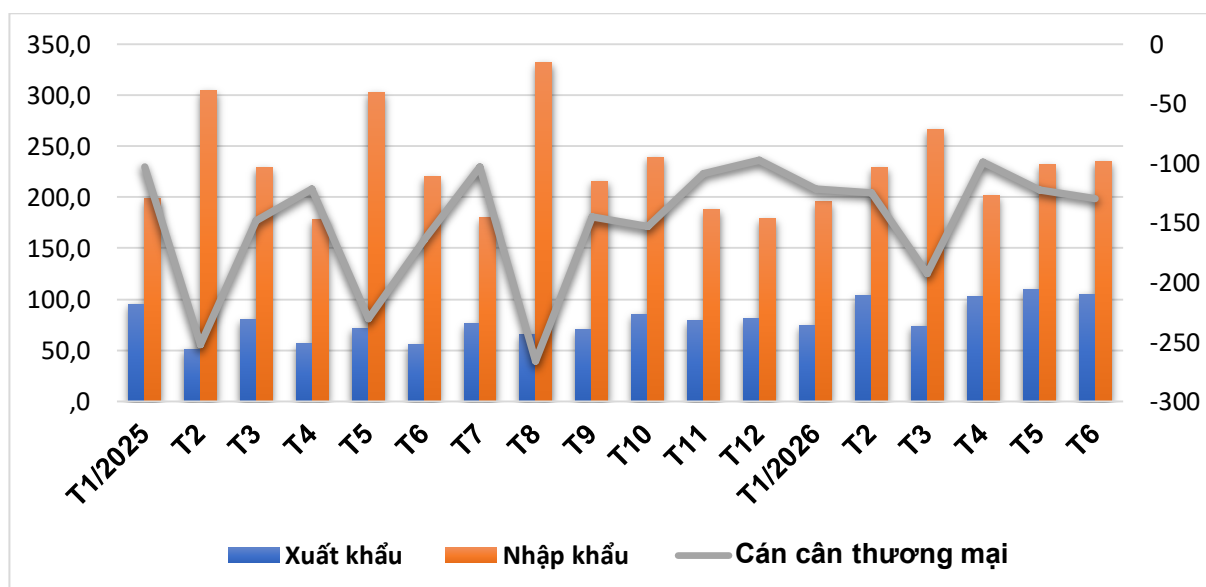
Xét trên dung lượng thị trường, trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en/quy mô 9,7 triệu dân sở tại đạt tỷ lệ khá cao. Hiện xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng mạnh sang thị trường này. Trong 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sang thị trường I-xra-en đạt gần 567 triệu USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2025. Dự kiến, xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en trong cả năm 2026 có thể vượt mốc 1 tỷ USD.

Bảng 3: Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và thị trường I-xra-en

	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)
Thương mại 2 chiều	339.790	-0,3	23,3	1.944.443	5,7
Xuất khẩu sang thị trường I-xra-en	104.908	-3,9	89,1	566.953	38,6
Nhập khẩu từ thị trường I-xra-en	234.882	1,4	6,8	1.377.490	-3,7
Cán cân thương mại	-129.974	6,2	-21,0	-810.536	-20,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Biểu 3: Diễn biến xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại của Việt Nam và thị trường I-xra-en trong năm 2025 - 2026 (Đvt: triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

II. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HÓA I-XRA-EN VỚI THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM

1. Tổng quan tình hình nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en với thế giới.

Theo Cơ quan thống kê ITC, nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en trong tháng 02/2026 đạt 8,88 tỷ USD, tăng 7,2% so với tháng 01/2026 và tăng 24,7% so với tháng 02/2025.

Nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en trong tháng 02/2026 từ thị trường Trung Quốc có kim ngạch cao nhất với 2,1 tỷ USD, tăng 24,9% so với tháng 01/2026, tiếp đến là Mỹ đạt 1,08 tỷ USD, tăng 25,4%. Ngược lại nhập khẩu của I-xra-en từ các thị trường kế tiếp như Đức, Hàn Quốc, Anh, Ấn Độ lại giảm từ 3% - 29,4%.

Đáng chú ý nếu so tháng 02/2026 với tháng 02/2025, nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en từ Việt Nam có mức tăng mạnh nhất trong top 10 thị trường cung cấp hàng hóa cho thị trường này, tăng 62,9%. Nhập khẩu của I-xra-en từ các thị trường khác như Trung Quốc, Mỹ, Đức, Italia, Hàn Quốc cũng tăng, nhưng mức tăng thấp hơn, dao động từ 27-40%.

2 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en đạt 17,18 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Trung Quốc dẫn đầu với 3,86 tỷ USD, tiếp đến Mỹ đạt 1,95 tỷ USD và Đức đạt 1 tỷ USD, với mức tăng trưởng từ 3 thị trường này lần lượt là 24,6%, 24,8% và 24,3%.

Các mặt hàng chính nhập khẩu của I-xra-en trong 2 tháng đầu năm 2026 là Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và sao âm thanh, hình ảnh truyền hình; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại máy trên (HS 85); Lò phản ứng hạt nhân; nồi hơi đun sủi; máy công cụ, trang thiết bị cơ khí; phụ tùng của các loại máy trên (HS 84); Xe cộ trừ toa xe lửa hoặc xe điện; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng (HS 87); Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng (HS 27) và dược phẩm (HS 30). Tổng thị phần của 5 nhóm hàng này chiếm 48,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của I-xra-en trong 2 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 45,7% của cùng kỳ năm 2025. Ngoài ra các mặt hàng được nhập khẩu nhiều còn dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế, phẫu thuật; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng (HS 90); Hàng gia dụng cá nhân (HS 99), Quần áo và hàng may mặc sẵn, dệt kim, đan hoặc móc (HS 61)...

2. Đánh giá dung lượng, thị phần hàng của Việt Nam tại thị trường I-xra-en và các đối thủ cạnh tranh của hàng Việt Nam.

Việt Nam là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ 9 cho I-xra-en trong 2 tháng đầu năm 2026. Kim ngạch nhập khẩu của I-xra-en từ Việt Nam tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy mức tăng trưởng mạnh và vượt trội so với mức chung và các thị trường khác.

Thị phần hàng hóa của Việt Nam tại I-xra-en tăng từ 1,97% trong 2 tháng đầu năm 2025 lên 2,17% trong 2 tháng đầu năm 2026. Con số này vẫn thấp hơn nhiều so với Trung Quốc. Trung Quốc đạt 22,5% thị phần trong 2 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 21,3% của cùng kỳ năm 2025. Thị phần của Mỹ tại I-xra-en cũng tăng từ 10,7% lên 11,3%.

Trung Quốc và Mỹ luôn duy trì vị trí là hai đối tác thương mại và nhà cung cấp hàng hóa lớn nhất cho thị trường I-xra-en, vượt trội về mạng lưới logistics và chủng loại sản phẩm.

Hàng hóa Việt Nam gặp nhiều áp lực khi cạnh tranh với hàng Trung Quốc tại thị trường I-xra-en do Trung Quốc có lợi thế về quy mô sản xuất lớn, giá thành rẻ, chi phí vận chuyển tối ưu và chuỗi cung ứng logistics lâu năm, dù Việt Nam có lợi thế từ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – I-xra-en (VIFTA).

Việc đa dạng mặt hàng cũng là lợi thế của Trung Quốc tại I-xra-en, đặc biệt Trung Quốc cung cấp lượng lớn ô tô (đặc biệt là xe điện), thiết bị điện tử, máy vi tính, pin và vật liệu xây dựng. Trong khi đây đều là những mặt hàng chiếm thị phần cao trong cơ cấu nhập khẩu hàng hóa của I-xra-en.

Hàng hóa Việt Nam tại thị trường I-xra-en cũng đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ hàng hóa Mỹ và các nước phát triển nhờ ưu thế về thương hiệu lâu năm, công nghệ và chuỗi cung ứng. Việc I-xra-en áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm định ngặt nghèo (thường tương đương chuẩn EU/Mỹ) đối với thực phẩm và thiết bị công nghệ điện tử tạo ra áp lực lớn, làm tăng chi phí và rào cản thâm nhập thị trường đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam.

Bảng 4: Nhập khẩu của I-xra-en từ các thị trường 2 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 02/2026 (nghìn USD)	So với (%)		2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Tháng 01/2026	Tháng 02/2025			2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Tổng	8.887.531	7,2	24,7	17.179.453	18,0	100,00	100,00
Trung Quốc	2.146.640	24,9	40,1	3.865.101	24,6	22,50	21,31
Mỹ	1.085.792	25,4	46,2	1.951.601	24,8	11,36	10,74
Đức	478.657	-8,4	20,3	1.001.434	24,3	5,83	5,54
Italia	418.116	54,4	23,2	688.966	12,7	4,01	4,20
Hàn Quốc	231.456	-11,6	27,2	493.168	44,8	2,87	2,34
Anh	167.787	-29,4	6,1	405.598	34,2	2,36	2,08
Pháp	218.826	20,1	35,1	401.081	20,4	2,33	2,29
Ấn Độ	190.624	-3,0	7,5	387.081	8,0	2,25	2,46
Việt Nam	192.204	6,5	62,9	372.684	30,3	2,17	1,97
Thổ Nhĩ Kỳ	171.944	3,7	-4,9	337.766	-3,2	1,97	2,40
Nga	154.125	-14,7	11,5	334.847	3,8	1,95	2,22
Tây Ban Nha	156.198	-10,8	14,7	331.253	29,6	1,93	1,76
Nhật Bản	138.144	-27,1	19,1	327.685	60,3	1,91	1,40
Hồng Kông	209.880	161,3	201,2	290.202	105,3	1,69	0,97
Hà Lan	121.503	-16,1	3,6	266.242	9,0	1,55	1,68
Đài Loan	125.324	-2,5	25,9	253.912	-6,6	1,48	1,87
Bỉ	100.581	-31,0	-21,9	246.360	11,7	1,43	1,52
Ba Lan	98.623	-30,5	-14,1	240.482	10,0	1,40	1,50
Thụy Sĩ	126.451	12,5	2,1	238.870	-3,9	1,39	1,71
CH Séc	108.481	2,9	38,6	213.857	33,7	1,24	1,10
UAE	77.150	-38,7	-19,7	203.019	-1,5	1,18	1,42
Thái Lan	88.416	-19,3	14,2	197.992	31,6	1,15	1,03
Ai Len	103.973	54,0	44,8	171.485	18,5	1,00	0,99
Hy Lạp	91.969	42,2	10,1	156.643	0,0	0,91	1,08
Ai Cập	72.400	-1,8	58,6	146.157	42,9	0,85	0,70
Achentina	77.043	54,7	69,5	126.858	20,6	0,74	0,72
Singapore	48.673	-29,8	31,0	118.027	48,6	0,69	0,55
Braxin	59.158	2,7	105,3	116.780	104,0	0,68	0,39
Mêhicô	57.478	0,7	39,2	114.544	33,6	0,67	0,59
Malaysia	61.765	32,3	75,0	108.438	54,2	0,63	0,48
Thụy Điển	31.219	-56,3	-5,5	102.645	70,7	0,60	0,41
Đan Mạch	33.779	-49,8	-9,0	101.009	65,2	0,59	0,42
Rumani	58.007	77,3	10,3	90.715	5,4	0,53	0,59
Ukraina	51.393	40,1	66,5	88.081	10,4	0,51	0,55

Thị trường	Tháng 02/2026 (nghìn USD)	So với (%)		2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Tháng 01/2026	Tháng 02/2025			2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Áo	57.126	89,6	36,2	87.253	18,8	0,51	0,50
Hunggary	43.013	12,0	24,4	81.419	24,2	0,47	0,45
Sip	47.354	75,3	62,3	74.371	14,1	0,43	0,45
Uruguay	37.700	11,7	169,9	71.461	264,3	0,42	0,13
Canada	23.939	-48,0	-33,7	69.945	4,7	0,41	0,46
Slovakia	48.146	129,4	139,3	69.134	106,9	0,40	0,23
Bồ Đào Nha	27.884	-24,0	-31,4	64.555	-34,7	0,38	0,68
Indonesia	32.702	11,6	37,2	62.016	17,8	0,36	0,36
Phần Lan	24.014	-26,2	3,3	56.540	29,2	0,33	0,30
Gioocdani	26.215	9,3	30,1	50.192	30,4	0,29	0,26
Bănglăđet	22.412	17,7	-10,1	41.448	-12,5	0,24	0,33
Na Uy	13.812	-43,6	-24,1	38.306	7,7	0,22	0,24
Paraguay	21.389	43,5	92,5	36.295	46,9	0,21	0,17
Bungari	19.895	32,5	5,8	34.912	-0,2	0,20	0,24
Chilê	17.009	0,4	-22,1	33.956	-28,6	0,20	0,33
Philippin	18.273	16,8	-16,3	33.923	-15,6	0,20	0,28
Slovenia	15.478	82,6	-45,7	23.954	-41,0	0,14	0,28
Lítva	11.612	-3,6	22,2	23.661	15,7	0,14	0,14
Australia	11.124	6,4	-23,9	21.579	-24,7	0,13	0,20

Nguồn: Cơ quan thống kê ITC

Bảng 5: Nhập khẩu các nhóm hàng hóa của I-xra-en 2 tháng đầu năm 2026

Mã HS	Nhóm hàng	2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
				2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
	Tổng	17.179.453	18,0	100,00	100,00
85	Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và sao âm thanh, hình ảnh truyền hình; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại máy trên.	2.397.518	24,3	13,96	13,25
84	Lò phản ứng hạt nhân; nồi hơi đun sưởi; máy công cụ, trang thiết bị cơ khí; phụ tùng của các loại máy trên	2.024.648	20,6	11,79	11,54
87	Xe cộ trừ toa xe lửa hoặc xe điện; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng	1.749.309	95,4	10,18	6,15
27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng	1.401.465	-10,9	8,16	10,80
30	Dược phẩm	778.277	32,4	4,53	4,04
90	Dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế, phẫu thuật; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng	715.251	20,5	4,16	4,08

Mã HS	Nhóm hàng	2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
				2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
99	Hàng gia dụng cá nhân, các quy định	526.736	36,6	3,07	2,65
71	Ngọc trai thiên nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá nửa quý, kim loại quý, kim loại mạ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ kim hoàn giả; tiền kim loại	525.629	-9,6	3,06	3,99
39	Plastic và các sản phẩm của plastic	477.532	-6,2	2,78	3,50
72	Sắt và thép	348.214	-29,6	2,03	3,40
97	Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ	345.573	8.092,8	2,01	0,03
73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	263.937	4,1	1,54	1,74
61	Quần áo và hàng may mặc sẵn, dệt kim, đan hoặc móc	245.342	-5,6	1,43	1,79
29	Hoá chất hữu cơ	242.997	27,5	1,41	1,31
94	Đồ dùng (giường, tủ, bàn, ghế...); bộ đồ giường, đệm, lót đệm giường, nệm và các trang bị tương tự; đèn các loại và bộ đèn chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hộp được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; các cấu kiện nhà lắp sẵn	236.314	2,0	1,38	1,59
02	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	235.141	61,2	1,37	1,00
62	Quần áo và hàng may mặc sẵn, không thuộc loại hàng dệt kim, đan hoặc móc	207.375	3,9	1,21	1,37
76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	189.202	8,2	1,10	1,20
33	Tinh dầu, các chất tựa nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh	185.698	6,2	1,08	1,20
10	Ngũ cốc	177.653	7,7	1,03	1,13
38	Các sản phẩm hoá chất khác	155.727	10,3	0,91	0,97
64	Giày, dép, ghê và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	148.359	0,1	0,86	1,02
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thuỷ sinh không xương sống khác	145.938	-6,1	0,85	1,07
25	Muối, lưu huỳnh, đất và đá, thạch cao, vôi và xi măng	142.981	38,0	0,83	0,71
88	Phương tiện bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng	142.931	51,2	0,83	0,65
44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	132.219	15,8	0,77	0,78
48	Giấy và bìa giấy; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa giấy.	128.231	0,7	0,75	0,87
08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	123.314	29,1	0,72	0,66
22	Đồ uống, rượu và giấm	118.054	26,1	0,69	0,64
01	Động vật sống	116.113	11,2	0,68	0,72
19	Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	113.729	19,3	0,66	0,66
86	Đầu máy, toa xe lửa hoặc xe điện và phụ tùng xe lửa, xe điện; các bộ phận để cố định và khớp nối đường ray xe lửa hoặc xe điện và phụ tùng của chúng; trang thiết bị cơ khí (kể cả cơ điện) dùng cho hệ thống tín hiệu giao thông	108.812	77,7	0,63	0,42

Mã HS	Nhóm hàng	2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
				2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
23	Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm, thức ăn gia súc đã chế biến	108.044	10,4	0,63	0,67
40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	107.910	9,1	0,63	0,68
21	Các chế phẩm ăn được khác	105.406	2,5	0,61	0,71
20	Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây	105.337	10,5	0,61	0,66
69	Đồ gốm, sứ	102.497	1,8	0,60	0,69
18	Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	102.086	29,7	0,59	0,54
95	Đồ chơi, dụng cụ dùng cho giải trí và thể dục thể thao; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng.	96.010	20,1	0,56	0,55
28	Hoá chất vô cơ, các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ	92.018	6,2	0,54	0,60
15	Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật.	89.833	20,3	0,52	0,51
34	Xà phòng, các chất hữu cơ để tẩy rửa bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa, bôi trơn, các loại sáp nhân tạo, sáp chế biến, các chế phẩm dùng để đánh bóng hoặc gột tẩy, nền và các sản phẩm tương tự, chất bột dùng làm hình mẫu, sáp (hàn răng) dùng trong nha khoa và các chế phẩm dùng trong nha khoa có thành Phần thạch cao, vôi hoá hoặc sunphat can xi	88.558	16,2	0,52	0,52
70	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh	73.280	-10,6	0,43	0,56
17	Đường và các loại kẹo đường	71.760	8,6	0,42	0,45
32	Các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm hoặc thuốc da; tannin và các chất dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, thuốc màu và các chất màu khác; sơn và vecni; chất gắn và các loại ma tít khác; các loại mực	70.935	3,4	0,41	0,47
74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng	68.516	43,6	0,40	0,33
68	Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	67.013	3,9	0,39	0,44
83	Hàng tạp hoá làm từ kim loại thường	64.646	7,7	0,38	0,41
12	Hạt dầu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rom, rạ và cỏ khô làm thức ăn gia súc	61.900	-20,5	0,36	0,54
63	Các sản phẩm dệt may sẵn khác; bộ vải và chỉ trang trí, quần áo cũ và các loại hàng dệt cũ; vải vụn	56.251	-9,9	0,33	0,43
09	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	55.568	9,1	0,32	0,35
82	Dụng cụ, đồ nghề, dao, kéo và bộ đồ ăn làm từ kim loại thường; các bộ phận của chúng làm từ kim loại thường	53.588	4,7	0,31	0,35
7	Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	52.151	-9,8	0,30	0,40
24	Thuốc lá và nguyên liệu thay thế	50.460	4,3	0,29	0,33

Mã HS	Nhóm hàng	2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
				2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
04	Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	46.004	8,2	0,27	0,29
37	Vật liệu ảnh hoặc điện ảnh	44.803	2,8	0,26	0,30
42	Các sản phẩm bằng da thuộc; bộ đồ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại bao hộp tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ ruột con tằm)	44.758	1,9	0,26	0,30
16	Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	41.234	15,0	0,24	0,25
35	Các chất chứa anbumin; các dạng tinh bột; keo hồ; enzym	35.346	8,6	0,21	0,22
91	Đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ loại khác và phụ tùng của đồng hồ	28.089	10,9	0,16	0,17
11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	25.689	37,7	0,15	0,13
55	Sợi staple tổng hợp hoặc nhân tạo	22.519	-16,1	0,13	0,18
81	Kim loại thường khác; gồm kim loại; sản phẩm làm từ kim loại thường khác và gồm kim loại	21.432	17,4	0,12	0,13
31	Phân bón	19.305	-34,7	0,11	0,20
56	Bông ni, ni và các sản phẩm không dệt; các loại sợi xe đặc biệt; dây bện, thùng, chảo các loại, dây cáp và các sản phẩm làm từ các vật liệu trên.	19.208	5,3	0,11	0,13
47	Bột giấy làm từ gỗ hoặc từ các chất liệu sợi xenlulo khác; giấy, bìa giấy tái sinh (phế liệu và phế thải)	15.247	-27,3	0,09	0,14
54	Sợi filament tổng hợp hoặc nhân tạo	14.864	-21,9	0,09	0,13
65	Mũ, khăn, mạng đội đầu và các bộ phận của các sản phẩm kể trên.	13.772	6,2	0,08	0,09
49	Sách báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản thảo viết bằng tay, đánh máy và đồ bản	13.716	-15,2	0,08	0,11
59	Các loại vải dệt đã được thấm tẩm, hồ, phủ đất; các sản phẩm dệt dùng trong công nghiệp.	12.819	37,4	0,07	0,06
89	Tàu thuyền và các kết cấu nổi	12.442	112,5	0,07	0,04
75	Niken và các sản phẩm bằng niken	12.289	40,9	0,07	0,06
57	Thảm và các loại trải sàn bằng hàng dệt khác	11.526	3,3	0,07	0,08
67	Lông vũ và lông mao chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông mao; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc	11.078	11,0	0,06	0,07
60	Các loại hàng dệt kim hoặc móc	7.988	-26,7	0,05	0,07
52	Bông	7.748	25,5	0,05	0,04
92	Nhạc cụ; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của nhạc cụ	6.294	17,9	0,04	0,04
06	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	5.986	12,7	0,03	0,04
13	Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	5.352	-5,6	0,03	0,04

Mã HS	Nhóm hàng	2 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
				2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
93	Vũ khí và đạn dược; phụ tùng và các bộ phận của chúng	4.890	-28,9	0,03	0,05
58	Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt chần sợi vòng; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu	3.714	-2,1	0,02	0,03
79	Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm.	2.373	-32,4	0,01	0,02
26	Quặng, xỉ và tro	2.262	2,3	0,01	0,02
46	Sản phẩm làm từ rơm, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm liễu gai song mây.	2.143	-17,0	0,01	0,02
45	Lie và các sản phẩm bằng lie.	2.109	13,5	0,01	0,01
36	Chất nổ; các sản phẩm pháo; các chất hỗn hợp pyrophoric; các chế phẩm dễ cháy khác	1.572	-18,5	0,01	0,01
53	Sợi dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt bằng sợi giấy	1.043	-3,9	0,01	0,01
41	Da sống (trừ da lông) và da thuộc.	1.009	-34,8	0,01	0,01
05	Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	1.000	-12,8	0,01	0,01
51	Lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô; sợi và vải dệt từ lông đuôi và bờm ngựa	902	-19,6	0,01	0,01
66	Ô, dù che, ba toong, gậy chống, roi da, roi điều khiển súc vật kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên	891	-4,2	0,01	0,01
78	Chì và các sản phẩm bằng chì	889	22,3	0,01	0,00
14	Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	424	-8,6	0,00	0,00
80	Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc	383	9,1	0,00	0,00
43	Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo	159	87,1	0,00	0,00
50	Tơ	66	-59,3	0,00	0,00
96	Các mặt hàng khác	60.130	17,6	0,35	0,35

Nguồn: Cơ quan thống kê ITC

III. CẬP NHẬT CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH, YÊU CẦU KỸ THUẬT, RÀO CẢN THƯƠNG MẠI VÀ TIẾN TRÌNH THỰC THI CAM KẾT FTA VIFTA

VIFTA là cột mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác song phương nhiều mặt giữa hai nước, nhất là trong lĩnh vực trao đổi thương mại và đầu tư đã tạo xung lực mạnh cho quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và I-xra-en phát triển tích cực trong thời gian qua, trao đổi thương mại tăng trưởng mạnh mẽ.

Trong bối cảnh hiện nay, cùng với sự trợ lực của cơ quan quản lý nhà nước, sự chủ động của doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược kinh

doanh, đầu tư vào sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các ưu đãi của Hiệp định VIFTA, từ đó tăng cường hợp tác thương mại, đầu tư với các đối tác I-xra-en, rộng hơn là cơ hội phát triển thị trường sang các nước khác tại khu vực này.

+ Chính phủ I-xra-en thông qua đề xuất về việc cấm nhập khẩu vào I-xra-en các mặt hàng được sản xuất toàn bộ hoặc một phần bằng lao động cưỡng bức.

Ngày 26/7/2026, Chính phủ I-xra-en đã thông qua đề xuất về việc cấm nhập khẩu vào I-xra-en các mặt hàng được sản xuất toàn bộ hoặc một phần bằng lao động cưỡng bức.

Đây là một bước đi có tầm quan trọng lớn về mặt đạo đức, kinh tế và chiến lược, củng cố cam kết của Nhà nước trong cuộc chiến chống buôn người và lao động cưỡng bức, đồng thời bảo vệ lợi ích của nền kinh tế I-xra-en.

Cụ thể, Nghị quyết của Chính phủ nước này yêu cầu Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Công nghiệp ban hành quy định cấm nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất bằng lao động cưỡng bức, phù hợp với các tiêu chuẩn được chấp nhận trong luật pháp quốc tế.

Đồng thời, nhóm công tác liên Bộ do Hội đồng Kinh tế Quốc gia thuộc Văn phòng Thủ tướng chủ trì sẽ tiếp tục xây dựng một cơ chế thực hiện và thi hành hiệu quả để trình Chính phủ phê duyệt trong vòng 90 ngày.

Động thái này được kỳ vọng sẽ củng cố vị thế của các nhà xuất khẩu I-xra-en trên thị trường quốc tế, cải thiện điều kiện thương mại của I-xra-en với các đối tác chủ chốt và giảm bớt các rào cản thương mại gây tổn hại đến khả năng cạnh tranh của nền kinh tế I-xra-en.

Là một phần của quyết định, một cơ chế thực thi toàn diện sẽ được thành lập, bao gồm việc chỉ định một cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thiết lập các tiêu chí chuyên môn để xác định các sản phẩm được sản xuất bằng lao động cưỡng bức, tạo ra một cơ chế báo cáo, thiết lập các cơ chế kháng nghị và xem xét nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả, sự ổn định cho các nhà nhập khẩu và việc duy trì các quy tắc thương mại công bằng.

+ I-xra-en áp dụng kỹ thuật số cải cách thủ tục hải quan

Cơ quan Thuế I-xra-en cùng Cục Hải quan và Thuế giá trị gia tăng đã thúc đẩy chương trình cải cách số quy mô lớn với ba trụ cột chính gồm hệ thống

“MAM” (Công Thế giới), hệ thống kiểm tra giám sát không xâm nhập (Non-Intrusive Inspection - NII) mang tên “Nail” và bộ quy định mới đối với nhập khẩu thực phẩm cũng như hàng hóa thuộc nhóm nhạy cảm. Nội dung này dựa trên bốn tài liệu chính thức được Cục Hải quan công bố và trình bày các hướng dẫn chính, các cột mốc và tác động đến chuỗi cung ứng.

Bản cam kết của nhà nhập khẩu

Tờ khai nhập khẩu rút gọn, còn được gọi là "Bản cam kết của nhà nhập khẩu", là một tài liệu cơ bản để giải phóng, thông quan hàng hóa. Đó là một biểu mẫu kỹ thuật số đóng vai trò là bằng chứng chính thức cho việc nộp thuế nhập khẩu, được hoàn thành bởi người môi giới hải quan hoặc nhà nhập khẩu trực tiếp thông qua hệ thống Công Thế giới. Việc chuyển sang khai báo kỹ thuật số đã thay thế các biểu mẫu vật lý và cho phép xử lý nhanh hơn hàng nghìn giao dịch mỗi ngày.

Theo hướng dẫn, nhà nhập khẩu phải khai báo giá trị, phân loại và thông tin nhà cung cấp của hàng hóa. Sai sót trong khai báo có thể làm chậm quá trình thông quan và dẫn đến bị phạt. Hệ thống cho phép nộp trực tuyến bằng thẻ thông minh và chữ ký điện tử. Hướng dẫn của Cục Hải quan nhấn mạnh rằng, trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu thuộc về nhà nhập khẩu. Do đó, nên sử dụng một nhà môi giới hải quan được chứng nhận xác thực để hoàn thành và nộp đúng cách.

Triển khai Hệ thống Hải quan tự động

Hệ thống “MAM” (còn được gọi là Công Thế giới, Cổng Toàn cầu hoặc Shaar Olami) là nền tảng đám mây trung tâm để quản lý thương mại quốc tế của I-xra-en. Hướng dẫn chính thức của Cục Hải quan nêu chi tiết các điều kiện tiên quyết: Thẻ thông minh, chữ ký số và đăng ký trực tuyến. Hệ thống kết nối Cục Hải quan với Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp, Bộ Kinh tế và Viện Tiêu chuẩn, cho phép tạo ra "Thủ tục một cửa" để nộp tất cả các giấy tờ cần thiết cần được phê duyệt.

Hướng dẫn mô tả quy trình làm việc: Nộp tờ khai nhập/xuất khẩu, đính kèm tài liệu được ký điện tử, thanh toán các khoản phí và thuế, và theo dõi trạng thái thông quan. Nó cũng đề cập đến việc quản lý giấy ủy quyền kỹ thuật số và việc lưu giữ hồ sơ trong 7 năm. Hệ thống này lần đầu tiên được thí điểm vào năm 2015 và chính thức ra mắt vào ngày 14/1/2018. Kể từ đó, nó đã trải qua các nâng cấp liên tục, bao gồm cả việc tích hợp trí tuệ nhân tạo để quản lý rủi ro.

Quy định nhập khẩu thực phẩm và hàng hóa nhạy cảm

Việc nhập khẩu thực phẩm và hàng hóa nhạy cảm (như dược phẩm, thuốc trừ sâu, hóa chất nguy hiểm và thực phẩm bổ sung) phải tuân theo quy định đặc biệt nghiêm ngặt ở I-xra-en. Cục Hải quan, phối hợp với Cơ quan Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia thuộc Bộ Y tế, đã ban hành hướng dẫn chi tiết về quy định nhập khẩu. Hướng dẫn này phân biệt giữa "thực phẩm thông thường" và "thực phẩm nhạy cảm".

Thực phẩm thông thường (thực phẩm không nhạy cảm) chỉ cần "Tờ khai của nhà nhập khẩu" trực tuyến, không cần phê duyệt trước. Ngược lại, thực phẩm nhạy cảm (bao gồm các sản phẩm động vật, sữa công thức cho trẻ sơ sinh, sản phẩm chủ lực, thực phẩm bổ sung và một số thực phẩm đông lạnh) được yêu cầu phải có "Phê duyệt trước khi nhập khẩu thực phẩm nhạy cảm" trước khi hàng hóa được nhập vào I-xra-en.

Tương tự, các vật liệu nhạy cảm như chất thải nguy hại hoặc thuốc trừ sâu cần được sự chấp thuận từ Bộ Nông nghiệp và Bộ Bảo vệ Môi trường.

Bảng tóm tắt: Bốn ấn phẩm thông báo chính của Cục Hải quan

Ấn phẩm thông báo chính	Nội dung chủ yếu	Các giấy tờ tài liệu/ biểu mẫu liên quan
Tờ khai nhập khẩu rút gọn (Bản cam kết của nhà nhập khẩu)	Khai báo điện tử về giá trị hàng hóa, phân loại và nhà cung cấp. Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu	Mẫu khai báo nhập khẩu, giấy ủy quyền điện tử, thẻ thông minh
Thí điểm hệ thống "Nail" NII	Công nghệ quét container tiên tiến tại cảng Ashdod, giảm thiểu việc mở container thủ công.	Biên bản kiểm tra, chứng chỉ quét scan, báo cáo tuân thủ
Hướng dẫn triển khai "MAM (Cổng Thẻ giới)"	Giải thích chi tiết về đăng ký, thẻ thông minh, chữ ký điện tử, quản lý giấy ủy quyền và lưu trữ kỹ thuật số	Hướng dẫn cài đặt thẻ thông minh, mẫu đăng ký, tài liệu API
Quy định về nhập khẩu thực phẩm và hàng hóa nhạy cảm	Phân biệt giữa thực phẩm thông thường và thực phẩm nhạy cảm, yêu cầu phê duyệt trước và phí kiểm tra	Đơn xin phê duyệt trước, tờ khai của nhà sản xuất, kết quả xét nghiệm

IV. ĐÁNH GIÁ XU HƯỚNG TRIỂN VỌNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất nhập khẩu hàng hóa với I-xra-en

Bất chấp những biến động và áp lực từ xung đột địa chính trị tại Trung Đông, nền kinh tế I-xra-en năm 2026 được dự báo tăng trưởng khoảng 3,5% -

3,8% nhờ ngành công nghệ cao. Động lực tăng trưởng kinh tế đến từ ngành công nghệ cao của I-xra-en - lĩnh vực này đóng góp khoảng một nửa tăng trưởng GDP và chiếm đa số kim ngạch xuất khẩu cả nước. Khu vực xuất khẩu công nghệ cao tiếp tục đóng vai trò trụ cột giúp kinh tế I-xra-en trụ vững, duy trì nguồn thu ngoại tệ và kết nối với các đối tác lớn.

Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu nước này vẫn chịu tác động đa chiều từ chi phí sinh hoạt leo thang, các quy định thương mại mới và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng khu vực. Việc đồng shekel mạnh lên cùng áp lực chi phí logistics tại khu vực Trung Đông tạo thêm thách thức về năng lực cạnh tranh ngắn hạn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nước này. Mặt khác, đồng shekel của I-xra-en mạnh lên giúp tăng sức mua của đồng nội tệ, từ đó làm giảm chi phí nhập khẩu nguyên liệu thô, năng lượng và hàng tiêu dùng. Điều này giúp hạ giá thành sản xuất và thúc đẩy hoạt động nhập khẩu.

Việc I-xra-en siết chặt tiêu chuẩn thương mại và thông qua lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bằng lao động cưỡng bức giúp nước này nâng cao uy tín chuỗi cung ứng toàn cầu, giảm rào cản với các đối tác lớn, nhưng đồng thời tạo ra áp lực tuân thủ khắt khe, làm tăng chi phí kiểm tra và nguy cơ gián đoạn đối với hoạt động xuất nhập khẩu. Đối với Việt Nam, quy định này buộc các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải minh bạch hóa chuỗi cung ứng, chứng minh nguồn gốc nguyên liệu và lao động sạch, nếu không muốn đối mặt nguy cơ bị từ quan thông quan hoặc mất thị trường.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - I-xra-en (VIFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 17/11/2024. Sau gần hai năm triển khai, hiệp định này đã tạo động lực giúp kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng tích cực, đưa I-xra-en trở thành điểm sáng xuất khẩu và cầu nối quan trọng cho hàng hóa Việt Nam tại khu vực Trung Đông.

VIFTA đang tiếp tục phát huy lợi thế, tạo động lực mạnh mẽ cho quan hệ hợp tác giữa hai nước nói chung và trao đổi thương mại nói riêng. Sự quan tâm của doanh nghiệp I-xra-en đối với thị trường Việt Nam gia tăng mạnh mẽ nhờ động lực từ VIFTA, thúc đẩy hợp tác sâu rộng về thương mại, công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và thu hút đầu tư song phương.

Sự quan tâm ngày càng lớn của doanh nghiệp I-xra-en đến thị trường Việt Nam đang tạo thêm dư địa để cộng đồng doanh nghiệp trong nước khai thác

hiệu quả hơn các cam kết của VIFTA. Đây cũng là cơ sở quan trọng để mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống và nâng cao khả năng chống chịu trước những biến động của thương mại toàn cầu.

Những con số mới nhất cho thấy hiệu quả bước đầu của hiệp định. Sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch thương mại Việt Nam - I-xra-en đạt 1,94 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt 567 triệu USD, tăng 38,6%. Nếu duy trì tốc độ tăng trưởng hiện nay, thương mại song phương năm 2026 có thể tiến gần 4 tỷ USD, xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en sẽ lần đầu tiên vượt mốc 1 tỷ USD. Những kết quả này cho thấy VIFTA đang từng bước chuyển hóa các cam kết thành tăng trưởng thương mại thực chất.

Không chỉ thương mại hàng hóa, quan hệ đầu tư giữa hai nước cũng tiếp tục được mở rộng. I-xra-en hiện có nhiều dự án đầu tư tại Việt Nam trong các lĩnh vực công nghệ cao, nông nghiệp, năng lượng và công nghiệp chế biến, trong khi doanh nghiệp Việt Nam cũng từng bước tìm kiếm cơ hội hợp tác tại thị trường này. Điều đó phản ánh xu hướng hợp tác ngày càng toàn diện sau khi VIFTA được triển khai.

Không chỉ thương mại hàng hóa, hợp tác đầu tư giữa hai nước cũng đang được mở rộng. Đến hết tháng 6/2026, I-xra-en có 46 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký khoảng 156 triệu USD. Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư khoảng 78,25 triệu USD vào I-xra-en, trong đó có khoản đầu tư của VinES vào doanh nghiệp công nghệ pin StoreDot. Những con số này cho thấy hợp tác kinh tế Việt Nam - I-xra-en đang từng bước mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và công nghiệp.

2. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với I-xra-en

VIFTA đang mở ra cơ hội để hai nền kinh tế phát huy tính bổ sung lẫn nhau. Trong khi nhiều mặt hàng thế mạnh của Việt Nam là những sản phẩm I-xra-en có nhu cầu nhập khẩu lớn, hàng hóa Việt Nam cũng ngày càng được người tiêu dùng I-xra-en đón nhận nhờ chất lượng ổn định và giá cả cạnh tranh. Nhiều sản phẩm là thế mạnh của Việt Nam lại là những mặt hàng I-xra-en phải nhập khẩu để phục vụ tiêu dùng và sản xuất trong nước.

Theo đánh giá, dư địa tăng trưởng vẫn còn rộng mở, đặc biệt với nhóm thủy sản, nông sản chế biến, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Thị trường I-xra-en có dung lượng vừa phải, nhưng vòng quay tiêu dùng nhanh, khả năng thanh toán tốt. Doanh nghiệp nước này ưu tiên hàng chế biến sẵn đóng gói hoàn chỉnh từ nhà sản xuất, phù hợp với định hướng xuất khẩu của Việt Nam. Thay vì xuất khẩu nguyên liệu thô, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư chế biến sâu, cải tiến bao bì, xây dựng thương hiệu để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các nhà nhập khẩu. Các sản phẩm nông, thủy sản chế biến là một trong những mặt hàng xuất khẩu tiềm năng sang I-xra-en trong thời gian tới.

Sáu tháng đầu năm 2026, nhiều nhóm hàng tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tích cực tại I-xra-en. Trong đó, thủy sản vẫn là điểm sáng khi tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Điện thoại và linh kiện, hạt điều, nông sản chế biến cùng nhiều mặt hàng tiêu dùng khác cũng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, phản ánh hiệu quả bước đầu trong việc tận dụng ưu đãi thuế quan từ VIFTA. Tuy nhiên, xuất khẩu việc thị trường I-xra-en có yêu cầu khá nghiêm ngặt về tiêu chuẩn và chất lượng bởi những quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và hàng rào kỹ thuật tương đối cao là rào cản đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Trong năm đầu tiên thực thi VIFTA, hàng loạt dòng thuế đã được cắt giảm theo lộ trình, đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thị trường I-xra-en.

Nhìn chung với kết quả tăng trưởng thương mại trong nửa đầu năm 2026 cho thấy dư địa từ VIFTA vẫn còn rất lớn. Tuy nhiên, để đưa các ưu đãi thuế quan thành những hợp đồng xuất khẩu cụ thể, doanh nghiệp cần chủ động đáp ứng các yêu cầu của thị trường, từ quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật đến phương thức tiếp cận khách hàng.